

Bản án số: **34/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 06-7-2021  
Về việc: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương**  
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Viết Xứng**  
Ông **Giang Công Chiến**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 446/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/06/2021 giữa các đương sự:

\*Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 7, Kp T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B. (có mặt)

\*Bị đơn: **Trần Xuân V**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ 7, Kp T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị T và anh Trần Xuân V chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Xuân, thị xã Đồng Xoài (nay là thành phố Đồng Xoài), tỉnh Bình Phước vào năm 2017.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông chia sẻ với nhau nên dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau; từ mâu thuẫn gia đình bên chồng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng; anh V thường xuyên đánh đập chị T. Việc anh V đánh đập, chị T có báo với Công an thị trấn Tân Phú xuống can thiệp. Từ ngày 30/4/2018, chị T không ở nhà anh V mà chuyển ra phòng trọ sinh sống. Cuối năm 2019, chị T sinh con nhưng anh V không quan tâm đến vợ con, anh V không tôn trọng vợ và gia đình bên ngoại. Nay, chị T xác định tình cảm giành cho anh Trần Xuân V đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Xuân V.

Về con chung: Có chung 01 con tên là Trần Văn Th, sinh ngày 07/8/2019. Hiện tại cháu đang sống cùng với mẹ, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Xuân V trình bày:*

Về hôn nhân: anh V và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn một cách tự nguyện vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh B vào năm 2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không có sự cảm thông chia sẻ với nhau. Do gia đình hai bên có những lời lẽ không phù hợp nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Anh V thừa nhận có vài lần đánh chị T nhưng sau đó anh V đã biết sai. Từ năm 2018, chị T ra nhà trọ sinh sống, còn anh V sinh sống ở nhà của cha mẹ anh V, anh V vẫn thường xuyên qua thăm chị T và chăm sóc con. Nay, anh V xác định tình cảm giành cho chị T vẫn còn và mong muốn được đoàn tụ gia đình nên trước yêu cầu ly hôn của chị T thì anh V không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có chung 01 con tên là Trần Văn Thiện, sinh ngày 07/8/2019. Tại phiên hòa giải, anh V đồng ý giao con chung chị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng con chung; về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận. Tại phiên tòa anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T đối với anh Trần Xuân V.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu Trần Văn Thiện, sinh ngày 07/8/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con chung với anh

Trần Xuân V và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là anh Trần Xuân V cư trú tại khu phố T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao (tổng đạt) đầy đủ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trần Xuân V chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh B vào năm 2017. Xét thấy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không có sự cảm thông chia sẻ những khó khăn xảy ra trong cuộc sống gia đình, không đồng nhất quan điểm sống. Vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, điều đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng và hạnh phúc gia đình, bản thân chị T và anh V không tìm được cách khắc phục nên đã sống ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh V xác định tình cảm giành cho chị T vẫn còn và mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ làm ăn nuôi con. Tòa án đã phân tích, động viên và cho chị T, anh V có thời gian suy nghĩ để vợ chồng tìm cách giải quyết những mâu thuẫn phát sinh, quay về đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị T xin được ly hôn với anh V là có cơ sở được chấp nhận. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Xuân V là phù hợp.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh V có 01 con chung tên Trần Văn Th, sinh ngày 07/8/2019. Chị T có nguyện vọng được nuôi con. Chị T có công việc ổn định, có thu nhập từ lương, đủ điều kiện để nuôi con. Mặt khác, cháu Th còn đang rất nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng ...*", hiện cháu đang sống cùng mẹ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ hơn. Do vậy, cần giao cháu Trần Văn Th, sinh ngày 07/8/2019 cho chị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh V cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng của anh V đối với con chung. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên do cháu Thiện chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp từ mẹ nên yêu cầu của anh V về việc trực tiếp nuôi con không được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên thống nhất là không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viên kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

### **Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Xuân V.

**2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:** Giao cháu Trần Văn Th, sinh ngày 07/8/2019 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Các bên tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

**3. Về tài sản chung và các vấn đề khác:** Không xem xét giải quyết do các bên xác định là không có và không yêu cầu.

**5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 004517, quyển số 0091 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND phường Tân Xuân (cqđkkh);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hương**

